

Số: 193/KH-UBND

Quận 1, ngày 10 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH**Triển khai đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024
của các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc
Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường**

Trên cơ sở Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 3494/QĐ-UBND);

Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn Quận 1 năm 2024;

Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU:**1. Mục tiêu:**

- Xác định chỉ số cải cách hành chính để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1 trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/QU ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Quận 1 về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp gắn với xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, giai đoạn 2020 – 2025; Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về thực hiện chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2021 – 2030.

- Tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chủ động triển khai, phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC; nâng cao chỉ số cải cách hành chính quận và phường.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường để kịp thời động viên, khen thưởng và tuyên truyền công tác cải cách hành chính.

2. Yêu cầu:

- Công tác tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính phải bảo đảm trung thực, khách quan, đúng quy định.

- Bám sát nội dung các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính nêu tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này để đánh giá. Xác định rõ vai trò cơ quan chủ trì, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân đối với cải cách hành chính nói chung và đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường.

II. NỘI DUNG - THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Nội dung thực hiện:

- Các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường thực hiện đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính theo Bảng điểm thi đua cải cách hành chính của các phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân 10 phường (*đính kèm Phụ lục 1*) và Bảng điểm thi đua cải cách hành chính của các trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 (*đính kèm Phụ lục 2*) trực tuyến trên hệ thống quản lý công tác cải cách hành chính của Thành phố.

- Trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá của các phòng, ban và Ủy ban nhân dân 10 phường, Phòng Nội vụ Quận 1 phối hợp cùng các đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định điểm tự đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính theo bộ tiêu chí chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân Quận 1 thiết lập trên hệ thống quản lý công tác cải cách hành chính của thành phố (*theo hướng dẫn của Phòng Nội vụ Quận 1*).

- Các đơn vị được giao chấm điểm báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 10 phường về Phòng Nội vụ Quận 1 tổng hợp, thẩm định lần cuối cùng và trình Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Quận 1 thông qua kết quả đánh giá thi đua của các đơn vị.

2. Thời gian thực hiện:

- Các phòng, ban và Ủy ban nhân dân 10 phường, gửi bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính về Ủy ban nhân dân Quận 1 (qua Phòng Nội vụ Quận 1) **trước ngày 30/11/2024**. Báo cáo phải do Thủ trưởng các đơn vị trực tiếp ký phê duyệt trên hệ thống.

- Phòng Nội vụ Quận 1 tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính gửi các đơn vị được giao chấm điểm thẩm định **trước ngày 15/12/2024**.

- Thời gian tổ chức thẩm định trên hệ thống: dự kiến **từ ngày 15/12/2024 đến ngày 30/12/2024**. Sau thời gian trên, các đơn vị được giao chấm điểm tổng hợp điểm về Phòng Nội vụ Quận 1 thẩm định lần cuối cùng và trình Thường

trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Quận 1 thông qua kết quả đánh giá thi đua của các đơn vị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Phòng Nội vụ:

- Tổ chức triển khai đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính năm 2024 tại các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân 10 phường.

- Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban và Ủy ban nhân dân 10 phường thực hiện đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và tổng hợp kết quả đánh giá của các đơn vị.

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1, Trung tâm Công nghệ thông tin Quận 1 thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 khen thưởng các đơn vị đạt chỉ số cải cách hành chính cao trong năm 2024.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1, Trung tâm Công nghệ thông tin Quận 1: Phối hợp với Phòng Nội vụ Quận 1 tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 báo cáo kết quả đánh giá thi đua chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân 10 phường theo đúng thời hạn quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 và 10 phường, đề nghị các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân 10 phường nghiêm túc, triển khai thực hiện./. *Naul*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ: P.CCHC;
- Thường trực Quận ủy Q1;
- UBND Q1: CT, các PCT;
- UB.MTTQVN Q1;
- BCĐ CCHC Q1;
- Tổ giúp việc BCĐ CCHC Q1;
- BGH các trường học công lập thuộc Q1;
- UBND - UB MTTQVN 10 phường;
- Lưu: VT, NV, B.Th(3b). *thull*

CHỦ TỊCH



Lê Đức Thanh

PHỤ LỤC 1
ĐÁNH GIÁ THẠNG ĐIỂM THI ĐUA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

(Đính kèm Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
I	TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	20		Phòng Nội vụ Quận 1
1	Triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện Par Index năm 2023 của đơn vị. - Xây dựng và ban hành Kế hoạch và triển khai hiệu quả các giải pháp cải thiện Chỉ số CCHC (Par Index) tại đơn vị = 2đ - Có báo cáo kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số CCHC (Par Index) tại đơn vị = 2đ	4	Kế hoạch triển khai, Báo cáo kết quả triển khai và các mô hình, giải pháp đã thực hiện tại đơn vị	
2	Triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện PAPI năm 2024 của đơn vị. - Xây dựng và ban hành Kế hoạch và triển khai hiệu quả các giải pháp cải thiện Chỉ số PAPI tại đơn vị = 2đ - Có báo cáo kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số PAPI tại đơn vị = 2đ	4	Kế hoạch triển khai, Báo cáo kết quả triển khai	
	Các mô hình, giải pháp, cách làm hay tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức tiếp cận, nắm chắc các chủ trương, đường lối, kế hoạch và các giải pháp thực hiện công tác CCHC của Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận 1	10	Kế hoạch, báo cáo kết quả triển khai thực hiện, Quyết định công nhận sáng kiến	

3	- Có ban hành Kế hoạch và phát động phong trào thi đua CCHC năm 2024 và triển khai đăng ký các mô hình, giải pháp cách làm hay trong công tác CCHC trong toàn thể cán bộ, viên chức đơn vị. tại đơn vị = 2đ - Lựa chọn và đăng ký mô hình, giải pháp, cách làm hay, tiêu biểu trong phong trào thi đua CCHC năm 2024, sáng kiến phải có tính mới, vận dụng có hiệu quả tại đơn vị mình và có khả năng nhân rộng (ít nhất 01 mô hình/công trình/giải pháp) = 2đ - Đảm bảo báo cáo tiến độ thực hiện mô hình, giải pháp, cách làm hay, tiêu biểu trong phong trào thi đua CCHC năm 2024 của đơn vị về cho Phòng Nội vụ Quận 1 (gồm báo cáo sơ kết trước ngày 01/6 và tổng kết trước ngày 01/11 hàng năm) = 4đ (mỗi báo cáo 2 điểm) - Các mô hình, giải pháp, cách làm hay của đơn vị trong phong trào thi đua CCHC đã đăng ký trong năm 2024 được Hội đồng xét công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến Quận 1 thông qua = 2đ			
4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử quận - phường và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố	2	Hình thức công khai	
II	TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CCHC			
1	Xây dựng Kế hoạch CCHC	10		Phòng Nội vụ Quận 1
1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong vòng 01 tháng sau khi quận ban hành) - Xây dựng Kế hoạch CCHC và cập nhật trên phần mềm đúng hạn theo hướng dẫn: trễ hạn trừ 1đ, không thực hiện: không có điểm - Chất lượng kế hoạch CCHC đầy đủ nội dung theo yêu cầu được 1 điểm; chuyển trả trên phần mềm từ 2-3 lần trừ 1 điểm; chuyển trả trên 3 lần: không có điểm.	2	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024	
1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch - Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 - Có cập nhật báo cáo kết quả tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của Kế hoạch trên phần mềm đúng hạn theo hướng dẫn; trễ hạn trừ 2 điểm /lần; không cập nhật kết quả: không có điểm.	8	Báo cáo Quý I, 6 tháng, Quý III và năm Báo cáo công trình CCHC, Báo cáo rà soát Par index, các báo cáo theo yêu cầu đột xuất	
2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	10		Phòng Nội vụ Quận 1
2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ trên Hệ thống báo cáo CCHC Thành phố	8	Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và năm	

	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định			
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo			
2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2		
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định			
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo			
3	Kiểm tra công tác CCHC	3		Phòng Nội vụ Quận 1
3.1	Có kế hoạch tự kiểm tra nội bộ, thực hiện tiếp đoàn kiểm tra chu đáo và kết luận kiểm tra của cơ quan cấp trên tốt, không thiếu sót = 2 đ	2	Kế hoạch kiểm tra nội bộ của đơn vị, báo cáo tiếp đoàn kiểm tra cấp trên, Thông báo kết luận kiểm tra của cấp trên	
3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.	1	Công văn đề xuất khắc phục, xử lý vấn đề sau kiểm tra.	
4	Công tác tuyên truyền CCHC	7		Phòng Nội vụ Quận 1
4.1	- Tăng cường thông tin về kết quả đạt được của công tác CCHC trên các phương tiện truyền thông, trang tin điện tử = 2 đ, trong đó: - Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024 = 1 đ - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính) = 1 đ - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác = 1 đ - Chủ động gửi tin, bài, bản tin về Ủy ban nhân dân Quận 1 theo quy định hàng quý = 2 đ a) Định kỳ mỗi quý/1 tin = 0,5 đ b) Thiếu 1 tin/quý = -0,5 đ/ 1 tin	5	Hình thức triển khai, đường link bài viết, hình ảnh minh họa	

4.2	Công tác triển khai tuyên truyền 04 bộ Chỉ số CCHC: + Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) = 1 đ, + Chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS)= 1 đ, + Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) = 1 đ	2		
5	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	9		Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1
5.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	1		
5.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC – Kế hoạch cải cách TTHC	0,5	Kế hoạch, báo cáo	
	Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn	0,25		
	Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn	0		
	Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên	0,25		
	Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch	0		
5.1.2	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC, Báo cáo cải cách TTHC	0,5	Báo cáo	
	Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn	0,5		
	Báo cáo thiếu, trễ thời gian	0		
5.2	Kiểm soát quy định TTHC	0,5		
5.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,25		
	Không ban hành TTHC trái thẩm quyền	0,25		
	Có TTHC ban hành trái thẩm quyền	0		
5.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0,25	Kết quả xử lý	
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
5.3	Công khai TTHC, kết quả giải quyết hồ sơ	1,5		
5.3.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0,5	TTHC được công khai tại BPMC	
	Đúng quy định	0,5		
	Không đúng quy định	0		
5.3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	0,5	TTHC được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị	
	Đúng quy định	0,5		
	Không đúng quy định	0		

5.3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố	0,5	Số liệu thể hiện trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố	
	Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ	0,5		
	Dưới 100%	0,25		
5.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	0,5		
5.4.1	Đơn giản hóa TTHC về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0,25	Công văn, báo cáo, kế hoạch, quy trình...	
	Có thực hiện	0,25		
	Không thực hiện	0		
5.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0,25	Công văn kiến nghị	
	Có thực hiện	0,25		
	Không thực hiện	0		
5.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3,5		
5.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	0,25	Báo cáo, số liệu cụ thể	
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC	0,25		
	Dưới 100% số TTHC	0		
5.5.2	TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại BPMC cấp phường theo DM được phê duyệt	0,5	Báo cáo, số liệu cụ thể	
	80% số TTHC trở lên	0,5		
	60% đến dưới 80% số TTHC	0,25		
	Dưới 60% số TTHC	0		
5.5.3	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt	0,25	Báo cáo, kiểm tra hồ sơ thực tế	
	Tuân thủ quy trình	0,25		
	Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản hóa thành	0		
5.5.4	Kết quả giải quyết TTHC	0,5	Báo cáo (Số liệu thể hiện trên bản đồ thể chế)	
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5)/100\%$	0,5		
	Giải quyết đúng hạn dưới 98% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 95%	0		

5.5.5	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	0,5	Báo cáo, công văn	
	Thực hiện đúng quy định	0,5		
	Thực hiện không đúng quy định	0		
5.5.6	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các phường	1		
	Đạt điểm xếp loại xuất sắc	1		
	Đạt điểm xét loại tốt	0,5		
	Đạt điểm xét loại khá	0,25		
	Đạt điểm xét loại trung bình	0		
5.5.7	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	0,5	Báo cáo (Dựa trên hệ thống xử lý phản ánh kiến nghị của Thành phố)	
	100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	0,5		
	Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	0,25		
	Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	0		
6	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	5		Phòng Nội vụ Quận 1
6.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và thành phố về tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền đô thị	1		

6.2	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do thành phố ban hành	1		
6.3	Xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1		
6.4	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1		
6.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1		
7	Cải cách chế độ công vụ	7		Phòng Nội vụ Quận 1
7.1	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bộ	1	Văn bản triển khai, báo cáo	
7.2	Có quán triệt triển khai việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức.	2	Văn bản triển khai	
7.3	Ban hành văn bản triển khai, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; báo cáo kết quả thực hiện.	2	Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của đơn vị	
7.4	Có tổ chức các đợt tự kiểm tra công vụ nội bộ, rà soát, xử lý vi phạm sau các đợt kiểm tra	2	Biên bản, Thông báo	
8	Cải cách tài chính công	5		Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 1
8.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ	1,5	Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị	
8.2	Có thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	2	Báo cáo của đơn vị	
8.3	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị	1,5	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị	

9	Hiện đại hóa hành chính	14		Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1 phối hợp Trung tâm CNTT Quận 1
9.1	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	1,5		
	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị		Số lượng, đạt tỷ lệ	
9.2	Mức độ sử dụng chữ ký số tại đơn vị	1,5		
	Tỷ lệ sử dụng chữ ký số tại đơn vị		Số lượng, đạt tỷ lệ	
9.3	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị	1		
a)	Tỷ lệ văn bản (không thuộc loại “Mật”) trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử		Số lượng, đạt tỷ lệ	
9.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	8		
9.4.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	2	Kết quả trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, Bản đồ thể chế	
	100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	2		
	80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	1		
	Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	0		
9.4.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch cải cách hành chính năm; Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm, Kế hoạch Cải cách TTHC năm của quận	2	Kết quả trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, Bản đồ thể chế	
9.4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5	Các báo cáo, số liệu cụ thể	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến). b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình.			
9.4.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1,5	Các báo cáo, số liệu cụ thể	

9.4.4.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:	0,5		
	a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính			
	b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến			
9.4.4.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:	0,5	Ngo Hai Yen - 966	Ngo Hai Yen - 966
	a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến			
	b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến			
9.4.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:	0,5		
	a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá			
	b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến			
9.4.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1	Số liệu báo cáo	
	Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%	1		
	Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định	0,5		
9.5	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	3		
9.5.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1		
9.5.1.1	Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ	0,5	Bản công bố, công văn	
9.5.1.2	Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định	0,5	Thực hiện niêm yết, công bố theo quy định	
9.5.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2		
9.5.2.1	Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá	0,5	Kế hoạch	

9.5.2.2	Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá	0,5	Công văn, báo cáo	
9.2.2.3	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo và theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá	0,5	Biên bản họp, công văn, báo cáo	
9.5.2.4	Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)	0,5	Công văn, báo cáo	
9.6	Phối hợp giám sát, khảo sát, đánh giá sự hài lòng	3		
9.6.1	Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để thực hiện giám sát đối với hoạt động cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; thái độ của công chức, viên chức khi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC.	1	Kế hoạch, báo cáo	
9.6.2	Kết quả khảo sát tại Kiosk/máy tính bảng (đánh giá thái độ, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức)	1	Hài lòng >99%	
9.6.3	Kết quả khảo sát thông qua Cổng dịch vụ công, phần mềm trực tuyến (đánh giá thái độ, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức)	1	Hài lòng >99%	
10	Công tác phối hợp thực hiện CCHC	10		Phòng Nội vụ, Văn phòng UBND, Trung tâm CNTT
1	Tích cực phát động toàn thể CBCC tại đơn vị hướng ứng tham gia các hội thi CCHC cấp quận và thành phố; đảm bảo số lượng dự thi theo yêu cầu và đúng thời gian quy định.	1		
2	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được chọn giới thiệu cho UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận cấp Thành phố	1		
3	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	1		
4	Đạt giải cao trong các Hội thi CCHC của Thành phố, quận trong năm đánh giá	1		
5	Báo cáo thay đổi thành viên BCĐ CCHC và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố của cơ quan, đơn vị kịp thời.	1		

6	Đơn vị được lãnh đạo Quận ủy, UBND quận khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	1		
7	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP và quận trong triển khai các hoạt động CCHC, khảo sát các Chỉ số CCHC	1		
8	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	1		
9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của quận thuộc phạm vi phụ trách được Thành phố đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	1		
10	Xây dựng Kế hoạch triển khai và đảm bảo chế độ báo cáo thực hiện Chủ đề năm 2024 của Thành phố gắn với công tác CCHC tại đơn vị	1		
11	Điểm trừ			
1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2		
2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1		
3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	-1		
4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành phố, Quận ủy, UBND quận phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	-2		
5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	-1		
6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	-2		
7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	-2		
8	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	-1		
	TỔNG CỘNG	100		

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại Xuất sắc;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại Tốt;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại Khá;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại Trung bình;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại Yếu.



Ngo Hai Yen - 966

Ngo Hai Yen - 966

Ngo Hai Yen - 966

Ngo Hai Yen - 966

Ngo Hai Yen - 966

Ngo Hai Yen - 966

PHỤ LỤC 2
ĐÁNH GIÁ THANG ĐIỂM THI ĐUA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

(Đính kèm Kế hoạch số **190**/KH-UBND ngày **10** tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
I	TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	20		Phòng Nội vụ Quận 1
1	Triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện Par Index năm 2023 của đơn vị. - Xây dựng và ban hành Kế hoạch và triển khai hiệu quả các giải pháp cải thiện Chỉ số CCHC (Par Index) tại đơn vị = 2đ - Có báo cáo kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số CCHC (Par Index) tại đơn vị = 2đ	4	Kế hoạch triển khai, Báo cáo kết quả triển khai và các mô hình, giải pháp đã thực hiện tại đơn vị	
2	Triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện PAPI năm 2024 của đơn vị. - Xây dựng và ban hành Kế hoạch và triển khai hiệu quả các giải pháp cải thiện Chỉ số PAPI tại đơn vị = 2đ - Có báo cáo kết quả triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số PAPI tại đơn vị = 2đ	4	Kế hoạch triển khai, Báo cáo kết quả triển khai	
3	Các mô hình, giải pháp, cách làm hay tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức tiếp cận, nắm chắc các chủ trương, đường lối, kế hoạch và các giải pháp thực hiện công tác CCHC của Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận 1	10	Kế hoạch, báo cáo kết quả triển khai thực hiện, Quyết định công nhận sáng kiến	

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
	- Có ban hành Kế hoạch và phát động phong trào thi đua CCHC năm 2024 và triển khai đăng ký các mô hình, giải pháp cách làm hay trong công tác CCHC trong toàn thể cán bộ, viên chức đơn vị. tại đơn vị = 2đ - Lựa chọn và đăng ký mô hình, giải pháp, cách làm hay, tiêu biểu trong phong trào thi đua CCHC năm 2024, sáng kiến phải có tính mới, vận dụng có hiệu quả tại đơn vị mình và có khả năng nhân rộng (ít nhất 01 mô hình/công trình/giải pháp) = 2đ - Đảm bảo báo cáo tiến độ thực hiện mô hình, giải pháp, cách làm hay, tiêu biểu trong phong trào thi đua CCHC năm 2024 của đơn vị về cho Phòng Nội vụ Quận 1 (gồm báo cáo sơ kết trước ngày 01/6 và tổng kết trước ngày 01/11 hàng năm) = 4đ (mỗi báo cáo 2 điểm) - Các mô hình, giải pháp, cách làm hay của đơn vị trong phong trào thi đua CCHC đã đăng ký trong năm 2024 được Hội đồng xét công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến Quận 1 thông qua = 2đ			
4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử quận - phường và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố	2	Hình thức công khai	
II	TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CCHC			
1	Xây dựng Kế hoạch CCHC	10		Phòng Nội vụ Quận 1
1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong vòng 01 tháng sau khi quận ban hành) - Xây dựng Kế hoạch CCHC và cập nhật trên phần mềm đúng hạn theo hướng dẫn: trễ hạn trừ 1đ, không thực hiện: không có điểm - Chất lượng kế hoạch CCHC đầy đủ nội dung theo yêu cầu được 1 điểm; chuyển trả trên phần mềm từ 2-3 lần trừ 1 điểm; chuyển trả trên 3 lần: không có điểm.	2	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024	
1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch - Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 - Có cập nhật báo cáo kết quả tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của Kế hoạch trên phần mềm đúng hạn theo hướng dẫn; trễ hạn trừ 2 điểm /lần; không cập nhật kết quả: không có điểm.	8	Báo cáo Quý I, 6 tháng, Quý III và năm Báo cáo công trình CCHC, Báo cáo rà soát Par index, các báo cáo theo yêu cầu đột xuất	
2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	10		Phòng Nội vụ Quận 1

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ trên Hệ thống báo cáo CCHC Thành phố	8	Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và năm	
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo</i>			
2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2		
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo</i>			
3	Kiểm tra công tác CCHC	3		Phòng Nội vụ Quận 1
3.1	Có kế hoạch tự kiểm tra nội bộ, thực hiện tiếp đoàn kiểm tra chu đáo và kết luận kiểm tra của cơ quan cấp trên tốt, không thiếu sót = 2 đ	2	Kế hoạch kiểm tra nội bộ của đơn vị, báo cáo tiếp đoàn kiểm tra cấp trên, Thông báo kết luận kiểm tra của cấp trên	
3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.	1	Công văn đề xuất khắc phục, xử lý vấn đề sau kiểm tra.	
4	Công tác tuyên truyền CCHC	7		Phòng Nội vụ Quận 1

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
4.1	- Tăng cường thông tin về kết quả đạt được của công tác CCHC trên các phương tiện truyền thông, trang tin điện tử = 2 đ, trong đó: - Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024 = 1đ - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính) = 1đ - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác = 1đ - Chủ động gửi tin, bài, bản tin về Ủy ban nhân dân Quận 1 theo quy định hàng quý = 2 đ a) Định kỳ mỗi quý/1 tin = 0,5 đ b) Thiếu 1 tin/quý = -0,5 đ/ 1 tin	5	Hình thức triển khai, đường link bài viết, hình ảnh minh họa	
4.2	Công tác triển khai tuyên truyền 04 bộ Chỉ số CCHC: - Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) = 1 đ, - Chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) = 1 đ, - Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) = 1 đ	2		
5	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	3		Phòng Nội vụ Quận 1
5.1	Xây dựng cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1		
5.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1		
5.3	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1		
6	Cải cách chế độ công vụ	7		Phòng Nội vụ Quận 1
6.1	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bộ	1	Văn bản triển khai, báo cáo	
6.2	Có quán triệt triển khai việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức.	2	Văn bản triển khai	
6.3	Ban hành văn bản triển khai, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; báo cáo kết quả thực hiện.	2	Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của đơn vị	

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
6.4	Có tổ chức các đợt tự kiểm tra công vụ nội bộ, rà soát, xử lý vi phạm sau các đợt kiểm tra	2	Biên bản, Thông báo	
7	Cải cách tài chính công	15		Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 1, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1
7.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ	1,5	Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị	
7.3	Có thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	2		
7.4	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị	1,5	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị	
7.6	Triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại đơn vị	10		
7.6.1	Có triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại đơn vị	4		
7.6.2	Tỷ lệ PHHS tham gia thanh toán trực tuyến đạt 100% trở lên Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số PHHS của trường b là số lượt thanh toán trực tuyến của PHHS	6		
8	Hiện đại hóa hành chính	5		Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1
8.1	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	1,5		Trung tâm CNTT Quận 1
	Đảm bảo sử dụng thư điện tử của đơn vị thường xuyên, không bị Sở Thông tin và Truyền thông nhắc nhở.		Danh sách thống kê của Sở Thông tin và Truyền thông hàng quý	
8.2	Mức độ sử dụng chữ ký số tại đơn vị	1,5		Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1
	Tỷ lệ sử dụng chữ ký số tại đơn vị		Số lượng, đạt tỷ lệ	
8.3	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị	2		
	Tỷ lệ văn bản (không thuộc loại "Mật") trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới	2	Số lượng, đạt tỷ lệ	

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
9	Công tác khảo sát, đánh giá sự hài lòng	10		Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1
9.1	Triển khai lấy ý kiến khảo sát của PHHS bằng nhiều hình thức: phiếu lấy ý kiến trực tuyến, Cổng thông tin đơn vị hoặc qua các phần mềm (<i>đánh giá thái độ, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức</i>)	5	Hình thức khảo sát, báo cáo kết quả	
a)	Có triển khai (5đ)			
b)	Không triển khai (0đ)			
9.2	Kết quả khảo sát tại đơn vị (<i>đánh giá thái độ, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức</i>)	5	Hài lòng (>99% = 5 đ)	
10	Công tác phối hợp thực hiện CCHC	10		Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1
1	Tích cực phát động toàn thể CBCC tại đơn vị hướng ứng tham gia các hội thi CCHC cấp quận và thành phố; đảm bảo số lượng dự thi theo yêu cầu và đúng thời gian quy định.	2		
2	Đạt giải cao trong các Hội thi CCHC của Thành phố, quận trong năm đánh giá	2		
3	Báo cáo thay đổi thành viên BCĐ CCHC và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố của cơ quan, đơn vị kịp thời.	2		
4	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP và quận trong triển khai các hoạt động CCHC	2		
5	Xây dựng Kế hoạch triển khai và đảm bảo chế độ báo cáo thực hiện Chủ đề năm 2024 của Thành phố gắn với công tác CCHC tại đơn vị	2		
11	Điểm trừ			
1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2		
2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1		
3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	-1		
4	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	-1		

STT	Yêu cầu kiểm tra	Điểm tối đa	Tài liệu minh chứng	Đơn vị chấm điểm
5	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	-2		
6	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	-2		
7	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	-1		
TỔNG CỘNG		100		

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại Xuất sắc;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại Tốt;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại Khá;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại Trung bình;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại Yếu.